

KINH NGHIỆM GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HÀNH CHÍNH Ở NHẬT BẢN

ThS. PHẠM HỒNG QUANG *

I. KHÁI QUÁT VỀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HÀNH CHÍNH Ở NHẬT BẢN

Hệ thống tài phán nói chung và tài phán hành chính nói riêng ở Nhật Bản không phát triển mạnh mẽ như những nước thuộc hệ thống luật lục địa (continental law system) hay hệ thống luật chung (common law system) mà nó được kết hợp bởi hai hệ thống luật nói trên,⁽¹⁾ mặc dù cho đến nay, tài phán hành chính ở Nhật Bản đã trải qua hơn 110 năm kinh nghiệm.

Theo Hiến pháp Minh Trị năm 1889, quyền của người dân nếu “*bị xâm hại bởi các quyết định hay hành vi bất hợp pháp của cơ quan, công chức hành chính thì được phép khởi kiện tới tòa án có thẩm quyền giải quyết kiện tụng hành chính theo quy định của pháp luật*”.⁽²⁾ Nguyên tắc được xác định là nếu các cơ quan hay công chức hành chính trong khi thực thi công quyền có hành vi vi phạm pháp luật như vượt thẩm quyền, lạm quyền, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, không thể tránh khỏi sự phán xét của quyền tài phán hành chính. Mặt khác, để đảm bảo tính độc lập của tòa án hành chính, pháp luật cũng khẳng định quyền tư pháp không được lấn át quyền hành chính, tòa án thường không được trao quyền hủy bỏ các quyết định của cơ quan, công

chức hành chính vi phạm hiến pháp hay pháp luật. Nếu tòa án thường được quyền phán quyết các quyết định hành chính thì có thể quyền hành chính sẽ bị lệ thuộc vào quyền tư pháp, làm tê liệt hoạt động quản lý hành chính cũng như có thể gây trở ngại cho quản lý xã hội và lợi ích công. Vì vậy, tòa án hành chính độc lập được thành lập để giải quyết các vụ kiện hành chính bên cạnh hệ thống tòa án tư pháp. Trong giai đoạn Minh Trị, mặc dù có khoảng 1000 vụ án⁽³⁾ được giải quyết nhưng chỉ có một tòa án hành chính được đặt tại Tokyo xét xử sơ thẩm đồng thời chung thẩm các vụ kiện hành chính. Thẩm quyền của tòa hành chính được giới hạn trong một số lĩnh vực như truy thu thuế, cấp và thu hồi giấy phép kinh doanh, các dịch vụ công, trong khi đó việc khắc phục thiệt hại hoặc việc phạt tiền hành chính thì nằm ngoài thẩm quyền của tòa này.

Hiến pháp hiện hành của Nhật⁽⁴⁾ (năm 1947) đã thay đổi hệ thống tài phán từ hệ thống luật lục địa được đặc trưng bởi sự tồn tại của tòa án hành chính độc lập sang hệ thống luật Anh-Mĩ, trong đó các vụ kiện hành chính được giải quyết ở tòa án thường.

* Giảng viên Khoa hành chính - nhà nước
Trường đại học luật Hà Nội

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI

Điều 76 Hiến pháp Nhật Bản quy định: "Toàn bộ quyền xét xử tư pháp nằm trong tay Tòa án tối cao và hệ thống tòa án cấp dưới" và "Không một tòa án đặc biệt hay một cơ quan nhà nước nào được đưa ra phán quyết tư pháp cuối cùng". Vì vậy, kể từ khi Hiến pháp Nhật Bản và Luật tổ chức tòa án có hiệu lực năm 1947, tòa án hành chính không còn nữa, tất cả các tranh chấp pháp lý đều thuộc thẩm quyền giải quyết của hệ thống tòa án tư pháp.⁽⁵⁾ Nhìn bề ngoài, tòa án tư pháp được quyền giải quyết các vụ kiện hành chính nhưng thủ tục được áp dụng để giải quyết bởi Luật kiện tụng hành chính năm 1962 thì vẫn giống như là Luật kiện tụng hành chính giai đoạn trước. Các nhà làm luật vẫn chịu ảnh hưởng lớn của lý luận về xây dựng tòa án hành chính độc lập và điều này được xem như là sự thất bại của quá trình Mỹ hóa luật hành chính ở Nhật Bản xem xét ở khía cạnh thủ tục.⁽⁶⁾

Hiện nay ở Nhật có hai luật cơ bản liên quan đến giải quyết tranh chấp hành chính, đó là Luật khiếu nại hành chính⁽⁷⁾ và Luật kiện tụng hành chính.⁽⁸⁾ Luật khiếu nại hành chính quy định thẩm quyền giải quyết các tranh chấp hành chính thuộc về các cơ quan hành chính nhà nước. Luật kiện tụng hành chính quy định thẩm quyền giải quyết tranh chấp hành chính thuộc về tòa án thường. Như vậy, ở Nhật cũng phân biệt rõ ràng hai hình thức khiếu nại và khiếu kiện.

Thủ tục khiếu nại hành chính được chia làm 2 loại, bao gồm thủ tục xem xét lại vụ

việc lần thứ nhất (reconsideration procedure) và thủ tục xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu (appellate procedure), trong đó cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết thường là bộ trưởng hoặc là các cơ quan khác có thẩm quyền cao hơn so với cơ quan đã ban hành ra quyết định. Theo Luật khiếu nại hành chính năm 1962 thì bất kỳ người nào bị xâm hại bởi quyết định của cơ quan hành chính đều có quyền khiếu nại tới chính cơ quan đó hay cơ quan hành chính có thẩm quyền cao hơn, tuy nhiên chỉ được giới hạn trong 11 lĩnh vực được quy định tại Điều 4 của Luật nói trên.

Thủ tục kiện tụng hành chính được quy định trong Luật kiện tụng hành chính năm 1962 quy định 4 loại kiện tụng sau đây: Kiện tụng Kokoku⁽⁹⁾ (loại kiện tụng của bất kỳ chủ thể nào đối với việc thi hành quyền lực công của cơ quan hành chính mà họ cho là bất hợp pháp, xâm hại đến các quyền được pháp luật bảo vệ); kiện tụng giữa các bên (party litigation) trong đó xác định một bên có phải là chủ thể có thẩm quyền được pháp luật quy định hay không; kiện tụng vì lợi ích công (public litigation); kiện tụng giữa các cơ quan nhà nước với nhau (agency litigation). Người dân được phép kiện tất cả các quyết định, hành vi của cơ quan hay công chức hành chính mà họ cho là bất hợp pháp, không giới hạn trong các lĩnh vực cụ thể. Loại kiện tụng để yêu cầu hủy bỏ các quyết định hành chính là điển hình và quan trọng nhất được tập trung quy định tại Luật kiện tụng hành chính.

II. KINH NGHIỆM GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HÀNH CHÍNH Ở NHẬT BẢN**1. Giải quyết khiếu nại bởi cơ quan hành chính có thẩm quyền**

Trước hết, khiếu nại hành chính luôn được giải quyết bởi cơ quan hành chính cấp trên. Luật khiếu nại hành chính quy định 3 hình thức khiếu nại là: Yêu cầu điều tra lại vụ việc (Investigation Demand); phản đối quyết định hay hành vi (Objection); tiếp tục điều tra lại vụ việc sau khi đã được giải quyết (Reinvestigation Demand). Tất cả các khiếu nại sẽ được gửi trực tiếp tới cơ quan hành chính cấp trên, trừ trường hợp không có cơ quan cấp trên của cơ quan đã ra quyết định hoặc là các quyết định của bộ trưởng bị khiếu nại.

Như vậy, theo Luật khiếu nại hành chính, cơ quan đã ra quyết định thì không có thẩm quyền tự mình giải quyết mà là thường là cơ quan cấp trên xem xét một cách khách quan các quyết định bị khiếu nại có hợp pháp hay hợp lý hay không.

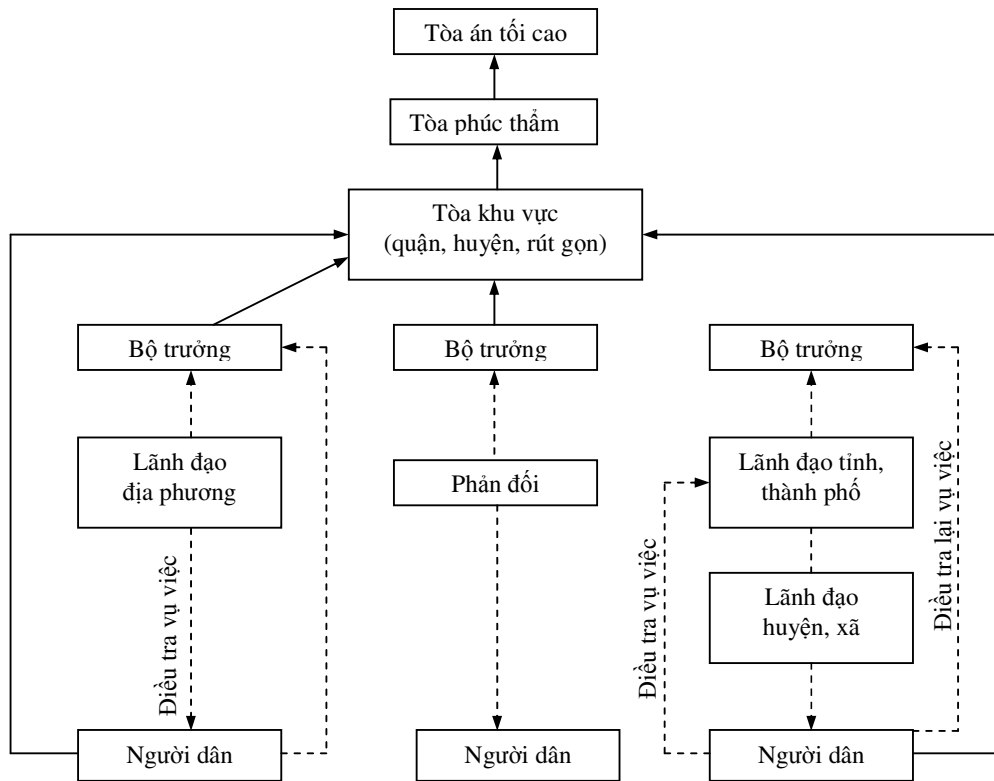
Thứ hai, ở cấp trung ương hay địa phương tồn tại các cơ quan chuyên môn như hội đồng giải quyết khiếu nại về thuế quốc gia; hội đồng giải quyết khiếu nại về bảo hiểm xã hội; ủy ban thương mại công bằng... hay như cơ quan thanh tra ở một vài địa phương được trao quyền xem xét giải quyết các lĩnh vực nhất định nhằm đảm bảo tính công bằng và khắc phục nhanh chóng hơn những thiệt hại gây ra bởi cơ quan công quyền so với việc kiện tụng được giải quyết tại toà án.

Cuối cùng đó là khả năng giải quyết vụ

việc khiếu nại của cơ quan hành chính. Cơ quan giải quyết khiếu nại ngay sau khi thụ lý có quyền yêu cầu người khiếu nại và cơ quan, công chức hành chính liên quan cung cấp những chứng cứ viết hoặc những tài liệu khác (có thể là chứng cứ miệng được ghi âm) để làm sáng tỏ vụ án. Cơ quan khiếu nại sau khi nhận đơn sẽ gửi bản photo hoặc băng ghi âm tới cơ quan bị khiếu nại và yêu cầu cung cấp văn bản giải thích trong thời hạn hợp lý.

Trong trường hợp cơ quan bị kiện cố tình trì hoãn việc đưa ra văn bản giải thích, cơ quan giải quyết khiếu nại sẽ tiếp tục ra quyết định mới buộc cơ quan này phải thực hiện. Luật khiếu nại quy định rõ: “*Người khiếu nại không được cản trở hiệu lực thi hành của quyết định bị khiếu nại, quá trình tiếp diễn của các hành vi bị kiện*”.⁽¹⁰⁾ Cơ quan giải quyết khiếu nại khi ra quyết định giải quyết vụ việc được quyền hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định bị khiếu nại, thay quyết định trên bằng quyết định khác hoặc yêu cầu cơ quan bị khiếu nại ra quyết định mới đồng thời tuyên bố hiệu lực thi hành. Trong trường hợp nếu quyết định mới được đưa ra gây cho người khiếu nại ở thế bất lợi hơn hoặc là trong trường hợp quyết định bị khiếu nại bất hợp pháp hoặc không hợp lý nhưng việc hủy bỏ có thể tạo ra những thiệt hại lớn cho lợi ích công thì cơ quan giải quyết khiếu nại căn cứ vào mức độ thiệt hại, có thể bãi bỏ yêu cầu của người khiếu nại nhưng phải ra quyết định tuyên bố là quyết định bị khiếu nại đó là bất hợp pháp hoặc không hợp lý.

Sơ đồ thẩm quyền giải quyết tranh chấp hành chính ở Nhật Bản

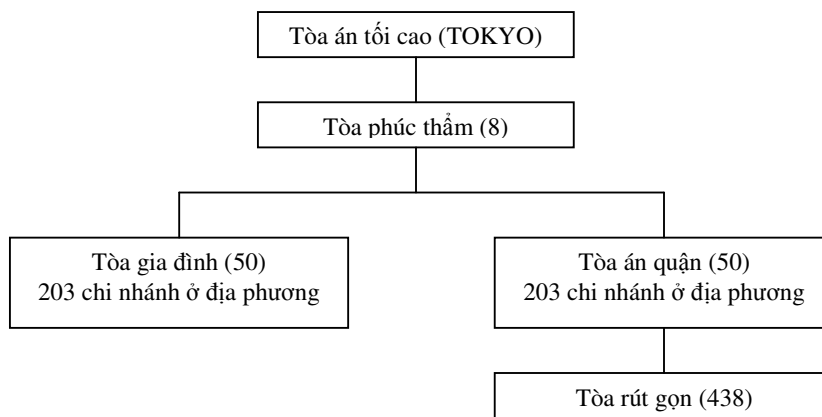


Ghi chú: —————> Khiếu kiện
 - - - - -> Khiếu nại

2. Giải quyết kiện tụng hành chính tại hệ thống tòa án tư pháp

2.1. Khái quát về hệ thống tòa án tư pháp ở Nhật Bản

Sơ đồ hệ thống tòa án của Nhật Bản



NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI

Nhật Bản áp dụng chế độ hai cấp xét xử: Cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm.

Toà án cấp sơ thẩm bao gồm: Toà gia đình, toà án quận và toà rút gọn, và . Toà gia đình chuyên trách giải quyết các tranh chấp liên quan đến hôn nhân, gia đình và người chưa thành niên. Toà rút gọn giải quyết các kiện tụng dân sự hoặc hành chính mà giá trị vụ việc không vượt quá 900.000 yên; hoặc các vụ án hình sự mà bị cáo bị phạt tiền hoặc bị phạt không quá 15 ngày tù.⁽¹¹⁾ Toà án quận giải quyết sơ thẩm tất cả các vụ việc dân sự, hình sự, hành chính mà không thuộc thẩm quyền giải quyết của hai toà kể trên.

Toà án có quyền phúc thẩm bao gồm: Toà án quận, toà phúc thẩm và Toà án tối cao. Toà án quận có thẩm quyền phúc thẩm chỉ đối với bản án sơ thẩm dân sự của toà rút gọn, trong khi đó toà phúc thẩm có quyền phúc thẩm đối với bản án của toà án quận, toà gia đình và bản án hình sự sơ thẩm của toà rút gọn. Toà án tối cao có quyền phúc thẩm đối với các bản án của toà phúc thẩm. Trường hợp ngoại lệ, trong vụ án dân sự được giải quyết ở toà án quận, nếu cả hai bên đều đồng ý bỏ qua kháng cáo lên toà phúc thẩm mà kháng cáo trực tiếp lên Toà tối cao thì Toà tối cao có quyền phúc thẩm bản án của toà án quận.

Nhật Bản có 50 toà án quận và 50 toà gia đình nằm ở các trung tâm hành chính của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, 438 toà rút gọn đặt ở các địa phương và 8 toà phúc thẩm đặt ở 8 thành phố lớn như Tokyo, Osaka, Nagoya, Hiroshima, Fukuoka, Sendai,

Sapporo và Takamastu. Toà án tối cao đặt trụ sở tại Tokyo.

2.2 Kinh nghiệm giải quyết kiện tụng hành chính

2.2.1. Thủ tục tiền tố tụng không phải là giai đoạn bắt buộc

Trước khi Luật kiện tụng hành chính năm 1962 được ban hành, thủ tục tiền tố tụng được xem là yêu cầu bắt buộc, theo đó các bên có liên quan phải khiếu nại tới cơ quan hành chính trước khi khởi kiện vụ án tại tòa án có thẩm quyền. Luật kiện tụng hành chính năm 1962 đã bãi bỏ quy định này và cho phép người dân được kiện thẳng ra tòa. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp có văn bản luật nào đó quy định bắt buộc phải khiếu nại tới cơ quan hành chính cấp trên thì không được khởi kiện trực tiếp ra tòa.⁽¹²⁾ Luật kiện tụng hành chính năm 1962 cũng tạo điều kiện cho người khởi kiện được quyền kiện ra tòa mà không bắt buộc phải có quyết định giải quyết khiếu nại, ví dụ, nếu như quyết định giải quyết khiếu nại không được ban hành sau 3 tháng kể từ khi có khiếu nại; hoặc trường hợp cấp thiết để tránh thiệt hại nguy hiểm có thể xảy ra hoặc có lí do chính đáng không nhận được quyết định thì đương sự có quyền kiện ra tòa có thẩm quyền giải quyết.

2.2.2 Thẩm quyền không giới hạn của tòa trong giải quyết kiện tụng hành chính

Tất cả các tòa án của Nhật Bản hiện nay được quyền giải quyết các kiện tụng hành chính mà không giới hạn thẩm quyền, thay cho chỉ có một tòa án hành chính ở Tokyo

với thẩm quyền giới hạn trong giai đoạn Minh Trị trước Đại chiến thế giới lần thứ II.

2.2.3. Phân định thẩm quyền của tòa giải quyết kiện tụng hành chính

Hệ thống tòa án hiện tại của Nhật không phân chia theo cấp lãnh thổ hành chính mà được phân chia theo tính chất vụ việc và cấp xét xử. Điều 12 Luật kiện tụng hành chính năm 1962 quy định tòa án có thẩm quyền giải quyết là “*Toà án nơi mà cơ quan hành chính bị kiện có trụ sở, nơi tồn tại bất động sản hoặc cơ quan hành chính bị kiện phải ở vị trí thấp hơn*”. Quy định này nhằm để tránh sự chi phối bởi thẩm quyền quản lý địa phương của cơ quan hành chính đối với tòa án đang thực hiện việc xét xử.

Toà phúc thẩm ở 8 thành phố lớn có thẩm quyền giải quyết các khiếu kiện đối với quyết định của một số cơ quan hành chính đặc biệt ở trung ương như Cục sáng chế, Ủy ban thương mại công bằng, Hội đồng hàng hải...

2.2.4. Quan điểm bảo vệ lợi ích công và tính hiệu quả của hành chính

Theo Luật kiện tụng hành chính năm 1962, hiệu lực pháp lý và việc thi hành quyết định hành chính về nguyên tắc không thể bị trì hoãn bởi kiện tụng. Xuất phát từ quan điểm bảo vệ lợi ích công, tính chủ động và hiệu quả của hoạt động quản lý hành chính, việc quy định như vậy nhằm ngăn ngừa cho các quyết định hành chính không bị trì hoãn thi hành bởi sự lạm quyền của người khởi kiện. Điều 30 quy định rằng với việc tôn trọng quyền tự định đoạt của cơ quan, công

chức hành chính, trừ khi nó vượt quá thẩm quyền hoặc có sự lạm dụng công quyền gây thiệt hại, tòa án không được can thiệp vào hoạt động quản lý hành chính. Thêm vào đó, Điều 31 có tên là “Phán quyết tùy hoàn cảnh” (circumstantial judgment) quy định trong trường hợp quyết định hành chính rõ ràng là trái pháp luật nhưng sự hủy bỏ nó có thể làm ảnh hưởng đến lợi ích công, tòa án có quyền bác bỏ việc khiếu kiện mặc dầu phải tuyên bố tính bất hợp pháp của quyết định bị khiếu kiện trong nội dung của bản án.

2.2.5. Thẩm quyền xem xét tính hợp hiến của văn bản quy phạm

Hiến pháp hiện hành quy định Tòa án tối cao có thẩm quyền cao nhất xem xét tất cả các luật, nghị định, quyết định ban hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà trái với hiến pháp và pháp luật. Như vậy, Nhật Bản thừa nhận việc xem xét tính hợp pháp và hợp hiến của các văn bản quy phạm. Tuy nhiên, trong thực tế, việc khởi kiện quyết định quy phạm chưa được quy định rõ trong Luật kiện tụng hành chính năm 1962, nó vẫn đang là vấn đề tranh cãi vì có quan điểm cho rằng các văn bản luật nói chung không phải là đối tượng của tài phán. Tuy nhiên, nội dung của một vài văn bản quy phạm dưới luật như thông tư, quyết định hành chính có thể được phán xét tính hợp pháp hoặc hợp hiến nếu xâm hại trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, *ví dụ*, vụ kiện yêu cầu hủy bỏ thông tư liên quan đến việc xây dựng nghĩa trang và chôn cất...⁽¹³⁾ Nói tóm lại, theo luật của Nhật Bản thì Tòa án tối cao là cơ quan

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI

cao nhất có quyền phán quyết tính hợp hiến của đạo luật hoặc các văn bản quy phạm pháp luật khác. Ví dụ, trong vụ án hình sự hay dân sự cụ thể, nếu tòa án cấp quận phát hiện có văn bản pháp luật nào đó vi hiến thì công tố viên sẽ kháng nghị lên Tòa án tối cao để xem xét giải quyết.

2.2.6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và chất lượng của thẩm phán

Không có sự phân biệt giữa thẩm phán hành chính với các thẩm phán khác ở Nhật. Chánh án Tòa án tối cao được bổ nhiệm bởi Nhật Hoàng trên cơ sở đề nghị của Nội các. Tất cả các thẩm phán của Tòa án tối cao (bao gồm 14 thẩm phán) được chỉ định bởi Nội các và được Nhật Hoàng chứng nhận, tuy nhiên, việc chỉ định này phải được lấy ý kiến của nhân dân tại cuộc tổng bầu cử Hạ nghị viện. Thẩm phán tòa cấp dưới được chỉ định bởi Nội các trên cơ sở danh sách được chánh án Tòa án tối cao đệ trình.

Thẩm phán tòa án cấp dưới làm việc từ 10 năm trở lên được đề nghị tái bổ nhiệm. Ở Nhật, việc đào tạo các ứng cử viên thẩm phán mang tính chuyên nghiệp và hệ thống. Để trở thành thẩm phán chuyên nghiệp, ứng cử viên phải có kinh nghiệm thực tế 10 năm với tư cách là thẩm phán tập sự. Để trở thành thẩm phán tập sự, ứng cử viên phải trải qua kì thi quốc gia nghiêm ngặt, sau đó hoàn thành 2 năm đào tạo tại Viện đào tạo và nghiên cứu pháp lí (cơ quan thuộc Tòa án tối cao) và hoàn thành xuất sắc kì thi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo được phân làm 3 kì, trong đó kì cuối cùng người tập sự được gửi

đến các tòa án quận trong cả nước để thực hành công việc của thẩm phán. Địa vị của thẩm phán ở Nhật được đảm bảo bởi hiến pháp, trong đó có quy định tất cả các thẩm phán không bị sa thải trừ khi thẩm phán đó phạm tội cực kì nghiêm trọng, phạm tội liên quan đến lợi ích quốc gia hoặc trong trường hợp không đủ điều kiện về thể chất và tinh thần để có thể tiếp tục gánh vác được công việc.⁽¹⁴⁾

Việc xét xử tại tòa rút gọn cũng như tòa án quận chỉ do 1 thẩm phán tiến hành. Trong trường hợp tòa án quận xét xử phúc thẩm bản án của tòa rút gọn sẽ bao gồm 3 thẩm phán. Tòa phúc thẩm thường có 3 thẩm phán, tuy nhiên, trong trường hợp khiếu kiện hành chính phức tạp, liên quan đến các cơ quan hành chính đặc biệt ở trung ương như Hội đồng hàng hải, Cục sáng chế... sẽ do hội đồng gồm 5 thẩm phán thực hiện. Tòa án tối cao thường xét xử với hội đồng 5 thẩm phán, trong trường hợp xem xét tính hợp hiến của đạo luật hoặc các văn bản quy phạm sẽ do hội đồng bao gồm tất cả 15 thẩm phán.

2.2.7. Quyền thay đổi vụ kiện sang kiện nhà nước hoặc các chủ thể lợi ích công

Theo Điều 21 Luật kiện tụng hành chính năm 1962, tòa án theo đơn kiện của người khởi kiện có thể cho phép họ thay đổi yêu cầu sang kiện nhà nước hoặc cơ quan công quyền có liên quan đến vụ việc đang giải quyết không cần thiết phải mở vụ án mới. Ở Nhật, các vụ kiện mà trong đó một bên đương sự yêu cầu nhà nước hoặc chính quyền địa phương bồi thường nếu gây ra

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI

những thiệt hại nhất định dựa theo quy định của Luật bồi thường nhà nước, Luật kiện tụng hành chính năm 1962 cũng như Luật tố tụng dân sự và nó cũng được xem như là vụ kiện dân sự.

2.3. Một vài vấn đề tồn tại trong giải quyết kiện tụng hành chính ở Nhật

Nhìn lại lịch sử phát triển của Nhật Bản, những năm 1960 được xem như là giai đoạn bùng nổ các hoạt động hành chính, tiếp theo vào những năm 1980 với hàng loạt những cải cách hành chính diễn ra mạnh mẽ đã giúp Nhật Bản đạt được nhiều thành tựu, trở thành nước công nghiệp phát triển trong khu vực châu Á kể từ sau Thế chiến thứ II. Tuy nhiên, trong lĩnh vực tài phán hành chính, vẫn còn những dấu hiệu bộc lộ sự hạn chế nhất định:

Trước hết, so với các vụ kiện dân sự, số lượng vụ kiện hành chính rất ít. Trung bình hàng năm vụ kiện dân sự được giải quyết là 65.000, trong khi đó tỉ lệ số lượng vụ kiện hành chính so với số lượng vụ kiện dân sự là 1/16. Tỉ lệ người khởi kiện thắng kiện cũng rất thấp. Ước tính khoảng 10% số lượng người khởi kiện thắng kiện trong vụ án hành chính.⁽¹⁵⁾ Một vài lí do có thể giải thích như sau:

Luật kiện tụng hành chính không có điều khoản quy định rõ ràng khoảng thời gian giới hạn để giải quyết vụ việc, trong khi thủ tục tố tụng dân sự được áp dụng để giải quyết các vụ kiện hành chính dẫn đến việc mất nhiều thời gian (thời gian giải quyết được tính bằng năm chứ không phải bằng

ngày hay tháng).

Tâm lí người dân Nhật Bản không thích kiện tụng và đấu tranh với cơ quan hành chính dưới hình thức thưa kiện tại tòa. Việc chờ đợi mất thời gian, chi phí cao cho việc kiện tụng cũng là lí do cản trở họ trong việc khởi kiện hành chính.

Trải qua hơn 40 năm, Luật kiện tụng hành chính năm 1962 của Nhật cũng còn một vài điều khoản cần xem xét. *Ví dụ*, Luật quy định nghĩa vụ cung cấp chứng cứ thuộc về người khởi kiện; Luật kiện tụng hành chính cũng thiếu điều khoản quy định về việc đình chỉ thi hành quyết định bị kiện và khoảng thời gian ấn định cho việc đưa ra phán quyết cuối cùng. Cũng có sự chỉ trích quy định tại Điều 9 Luật kiện tụng hành chính là công dân không thể trở thành người khởi kiện nếu như các quyết định hành chính không liên quan đến lợi ích của họ.

Hướng dẫn hành chính (Administrative Guidance) được sử dụng chủ yếu trong các hoạt động hành chính diễn ra hàng ngày ở Nhật, trong đó việc hướng dẫn, tư vấn hành chính cho người dân rất được coi trọng. Đây là điểm mạnh của nền hành chính ở Nhật Bản. Tuy nhiên, xem xét dưới góc độ khác, nó là lí do để cơ quan hành chính sử dụng như là công cụ giúp họ không phải trở thành đối tượng bị kiện trước tòa.

Thứ hai, việc thi hành phán quyết của tòa trong thực tế cũng là điểm hạn chế. Luật kiện tụng hành chính quy định tòa án có thể phán quyết tính bất hợp pháp của hành vi không hành động của cơ quan hành chính

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI

nhưng không thể buộc người có thẩm quyền hành chính phải ra quyết định mới. Nếu cơ quan bị kiện không thực hiện nghĩa vụ hoặc ban hành quyết định hành chính mới không đáp ứng nguyện vọng của người dân, họ không có lựa chọn nào khác hơn là lại phải tiếp tục khởi kiện vụ án mới. Điều đó cũng gây ra tâm lí nặng nề đối với việc kiện tụng hành chính.

-
- (1).Xem: Yong Zhang, *Nghiên cứu so sánh hệ thống tài phán các nước Đông và Đông Nam Á năm 1997*, tr. 259.
 - (2).Xem: Điều 61 *Hiến pháp Hoàng đế Minh Trị năm 1889*, (Meiji Kenbo1889, Art 61).
 - (3).Xem: Shuichi Sugai và Itsuo Sonobe, *Luật hành chính Nhật Bản năm 1999*, tr. 28.
 - (4).Xem: *The Constitution of Japan (Nihon Koku Kenbo)* được ban hành ngày 03/11/1946, có hiệu lực 01/1947.
 - (5).Xem: Điều 30 *Luật tổ chức tòa án Nhật Bản năm 1947*, (Saibansho ho 1947, Art 3).
 - (6).Xem: Shuichi Sugai và Itsuo Sonobe, *Sdd*, tr. 58.
 - (7).Xem: *Administrative appeal law (Gyosei fufuku shinsaho)* ban hành ngày 15/09/1962.
 - (8).Xem: *Administrative litigation law (Gyosei ziken shosyoho)* ban hành ngày 16/05/1962.
 - (9). (Kokoku) Thuật ngữ này không tìm được nghĩa chuẩn xác sang tiếng nước ngoài tương đương. Xem: Điều 3 *Luật kiện tụng hành chính năm 1962*.
 - (10).Xem: Khoản 1 Điều 34 *Luật khiếu nại hành chính*.
 - (11).Xem: Khoản 1 Điều 33 *Luật tổ chức tòa án Nhật Bản năm 1947*.
 - (12).Xem: Khoản 1 Điều 8 *Luật kiện tụng hành chính năm 1962*.
 - (13).Xem: Shuichi Sugai và Sonobe, *Luật hành chính Nhật Bản năm 1999*, tr. 107.
 - (14). Xem: Điều 48 *Luật tổ chức tòa án Nhật Bản năm 1947*.
 - (15).Xem: Yong Zhang, *Nghiên cứu so sánh hệ thống tài phán các nước Đông và Đông Nam Á năm 1997*, tr. 82.